TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BUÔN HỒ** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29-12-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Dhiểu Hmõk và ông Hứa Quang Hồng.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Xiêm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa*:** Bà Ngô Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29/12/2023, tại Phòng xử án, Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 207/2023/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2023 về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2023/TLST-HNGĐ ngày 22/11/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ch, sinh năm 1980 – vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã C, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đình Th, sinh năm 1969 - vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã C, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Ch trình bày có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Đình Th sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, không có ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện (Nay là thị xã B), tỉnh Đắk Lắk ngày 02/4/1998. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng đến sau đó hai bên mâu thuẫn cãi nhau thường xuyên, có khi đánh nhau, bà cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, bà và ông Th hiện nay đã sống ly thân. Vì vậy bà nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Đình Th

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông Th có 02 con chung là chị Nguyễn Thị Kim Q, sinh ngày 12/8/1998 và anh Nguyễn Đình Anh Q, sinh ngày

17/10/2000, do hai con đã đủ tuổi thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản: Bà và ông Th tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Đình Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Ch về quan hệ hôn nhân, về con chung và tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án*: Ngày 22/9/2023, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và văn bản từ chối lựa chọn lựa chọn hòa giải tại Tòa án, ngày 29/9/2023 Tòa án thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, ngày 03/10/2023 nguyên đơn nộp biên lai thu tạm ứng án phí cho Tòa án và Tòa án thụ lý vụ án là đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "*Ly hôn*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về trình tự thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn bà Ch có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về yêu cầu của đương sự:*

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Ch và ông Th là hợp pháp được pháp luật bảo vệ, đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện (Nay là thị xã B), tỉnh Đắk Lắk ngày 02/4/1998. Sau khi kết hôn, bà Ch và ông Th sống hạnh phúc nhưng sau này thường xuyên mâu thuẫn cãi nhau là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Kết quả xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà Ch và ông Th thì địa phương xác định: Bà Ch và ông Th đã sống ly thân.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Ch và ông Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho bà Ch được ly hôn với ông Th là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Ch và ông Th có 02 con chung là chị Nguyễn Thị Kim Q, sinh ngày 12/8/1998 và anh Nguyễn Đình Anh Q, sinh ngày 17/10/2000. Do chị Q và anh Q đã đủ tuổi thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4.4] Về tài sản: Bà Ch chưa yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Xét quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà Ch phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 144; Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Ch.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Ch được ly hôn với ông Nguyễn Đình Th.

2. Về con chung: Do các con chung là chị Nguyễn Thị Kim Q, sinh ngày 12/8/1998 và anh Nguyễn Đình Anh Q, sinh ngày 17/10/2000, đã đủ tuổi thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản: Bà Ch chưa yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Ch phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0018726 ngày 29/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- CCTHADS thị xã B;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Khanh